

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2013

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy phép Đầu tư số** 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

**Giấy chứng nhận Đầu tư số** 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007  
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010  
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011  
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011

Giấy phép đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy phép đầu tư số 270 CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép đầu tư và các điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư do Ban quản lý Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày của giấy phép đầu tư đầu tiên.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Michio Nagabayashi	Chủ tịch
	Toru Yamasaki	Thành viên
	Hiroshi Fujikawa	Thành viên
	Nguyen Thi Kim Lien	Thành viên
	Pang Tze Wei	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Michio Nagabayashi	Tổng Giám đốc
	Kazufumi Nagashima	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
	Hidefumi Matsuo	Giám đốc/Giám đốc Hành chính
	Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Tài chính
	Takaaki Suemitsu	Giám đốc/Giám đốc Bán hàng và Marketing

**Trụ sở đăng ký** Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 37 được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Giám đốc

Đã ký và đóng dấu

---

Michio Nagabayashi  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 29 tháng 08 năm 2013, được trình bày từ trang 4 đến trang 37. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác Soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích đối với số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính chưa hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh chưa hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ chưa hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-01-290

Đã ký

Đã ký và đóng dấu

---

Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

---

Chong Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0864-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2013

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>364.652.487</b>	<b>394.740.754</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>30.612.727</b>	<b>81.642.948</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>5</b>	<b>146.133.459</b>	<b>154.689.431</b>
Phải thu khách hàng	131		14.419.380	14.959.024
Trả trước cho người bán	132		7.071.730	3.035.244
Phải thu nội bộ	133		123.996.208	131.506.846
Các khoản phải thu khác	135		646.141	5.188.317
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>182.622.707</b>	<b>157.649.819</b>
Hàng tồn kho	141		189.098.403	164.125.515
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.475.696)	(6.475.696)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.283.594</b>	<b>758.556</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.989.354	12.726
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.874.116	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		420.124	745.830
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>309.206.325</b>	<b>320.730.559</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>5</b>	<b>24.993.600</b>	<b>24.993.600</b>
Phải thu dài hạn nội bộ	213		24.993.600	24.993.600
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>184.181.796</b>	<b>196.391.440</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	174.552.371	187.993.216
Nguyên giá	222		377.276.032	379.932.567
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.723.661)	(191.939.351)
Tài sản cố định vô hình	227	8	8.090.580	-
Nguyên giá	228		8.369.566	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(278.986)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	1.538.845	8.398.224
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>94.145.809</b>	<b>94.145.809</b>
Đầu tư vào công ty con	251		94.145.809	94.145.809
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.885.120</b>	<b>5.199.710</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	4.370.362	3.684.952
Tài sản dài hạn khác	268		1.514.758	1.514.758
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>673.858.812</b>	<b>715.471.313</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND'000	31/12/2012 VND'000
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>640.286.723</b>	<b>676.501.188</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>500.489.338</b>	<b>466.528.559</b>
Vay ngắn hạn	311	12	347.094.000	364.490.000
Phải trả người bán	312	13	120.806.881	66.406.162
Người mua trả tiền trước	313		5.341.555	6.552.905
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	422.321	2.516.127
Phải trả người lao động	315		9.248.135	8.421.739
Chi phí phải trả	316	15	16.716.046	16.956.554
Các khoản phải trả khác	319	16	860.400	1.185.072
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>139.797.385</b>	<b>209.972.629</b>
Ký quỹ dài hạn	333		26.139	26.139
Vay dài hạn	334	17	136.734.000	206.841.368
Dự phòng trợ cấp thôi việc	337	18	3.037.246	3.105.122
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>33.572.089</b>	<b>38.970.125</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>33.572.089</b>	<b>38.970.125</b>
Vốn cổ phần	411	20	381.443.888	381.443.888
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704
Lỗi lũy kế	420		(432.907.503)	(427.509.467)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>673.858.812</b>	<b>715.471.313</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Ngoại tệ:		
• USD	8.345.211	33.442.616
• EUR	10.030	13.546

---

ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Đã ký

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Phong  
*Kế toán trưởng*

Michio Nagabayashi  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày**  
**30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 02a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>511.218.295</b>	<b>476.950.286</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>14.446.401</b>	<b>14.015.703</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>496.771.894</b>	<b>462.934.583</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>354.043.833</b>	<b>362.300.706</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>142.728.061</b>	<b>100.633.877</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	2.225.448	1.878.561
Chi phí tài chính	22	24	9.140.666	4.738.474
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.278.250	3.617.158
Chi phí bán hàng	24		197.782.484	88.830.796
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.307.917	13.257.168
<b>Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>(78.277.558)</b>	<b>(4.314.000)</b>
Thu nhập khác	31	25	75.175.996	12.161.511
Chi phí khác	32		2.296.474	3.574.251
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>72.879.522</b>	<b>8.587.260</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(5.398.036)</b>	<b>4.273.260</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>-</b>	<b>2.540.287</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>(5.398.036)</b>	<b>1.732.973</b>

ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Đã ký

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Phong  
*Kế toán trưởng*

Michio Nagabayashi  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(5.398.036)</b>	<b>4.273.260</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		13.129.107	15.751.967
Các khoản dự phòng	03		-	2.555.325
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái thuận chưa thực hiện	04		4.678.937	-
Thu nhập từ khoản vay được xóa	05		(71.459.368)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	05		(2.041.969)	(1.692.713)
Chi phí lãi vay	06		4.278.250	3.617.158
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(56.813.079)</b>	<b>24.504.997</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		25.323.449	8.194.526
Biến động hàng tồn kho	10		(24.972.888)	(30.975.672)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		51.039.916	19.373.352
Biến động chi phí trả trước	12		(1.250.947)	(161.959)
			<b>(6.673.549)</b>	<b>20.935.244</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(6.892.360)	(3.184.081)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(13.565.909)</b>	<b>17.751.163</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.330.554)	(7.043.759)
Khoản vay cấp cho một công ty liên quan	23		(15.000.000)	(16.199.998)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		611.727	215.633
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(16.718.827)</b>	<b>(23.028.124)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6**  
**năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(20.828.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(20.828.000)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(51.112.736)</b>	<b>(5.276.961)</b>
Tiền đầu kỳ	60		81.642.948	40.965.781
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền	61		82.515	-
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>30.612.727</b>	<b>35.688.820</b>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH**

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000
Cần trừ các khoản phải trả thương mại với các khoản phải thu nợ vay gốc và lãi vay từ công ty con	24.060.681	6.247.025
Chuyển từ phải trả khác sang vay ngắn hạn	-	20.828.000

ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Đã ký

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Phong  
*Kế toán trưởng*

Michio Nagabayashi  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**Mẫu B 09a – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất bánh quy và thức ăn nhẹ, nước ép trái cây có gas và nước ép trái cây có nồng độ cồn thấp dưới 5%, nước tinh lọc đóng chai và chai nhựa PET; và sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết Số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 1.287 nhân viên (31/12/2012: 1.196 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Báo cáo về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(c) Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ thuần sau thuế trong kỳ của Công ty là 5.398 triệu VND và tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 135.837 triệu VND (31/12/2012: 71.788 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 12). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc cổ đông chính cao cấp nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng cổ đông chính cao cấp nhất sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

**(d) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(e) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") làm tròn đến hàng nghìn ("VND'000").

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ ("USD") sang đồng Việt Nam ("VND") theo các quy định của Thông tư số 244/2010/TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 244"). Phương pháp quy đổi được áp dụng như sau:

- Toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá cuối kỳ 1 USD đổi 20.828 VND.
- Số liệu so sánh bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngày 31 tháng 12 năm 2012 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được hạch toán bằng cách quy đổi các khoản mục trong báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 theo tỷ giá là 1 USD đổi 20.828 VND.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Các chính sách kế toán và phương pháp hạch toán để lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này được áp dụng nhất quán với báo cáo tài chính năm gần đây nhất tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán gần đây nhất.

#### **(a) Ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ máy móc và thiết bị    | 10 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 năm       |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 10 năm      |

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí nâng cấp**

Chi phí nâng cấp ban đầu được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày hoàn tất việc nâng cấp.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ không đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định hữu hình theo các quy định pháp lý của Việt Nam do nguyên giá thấp hơn 30 triệu VND thì được phân loại vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

**(l) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, được phân loại là các khoản vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các công ty liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**4. Tiền**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Tiền mặt	152.411	105.514
Tiền gửi ngân hàng	30.460.316	81.537.434
	<hr/>	<hr/>
	30.612.727	81.642.948
	<hr/>	<hr/>

**5. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn**

Các khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
<b>Phải thu ngắn hạn</b>		
Khoản vay ngắn hạn cấp cho công ty liên quan (a)	123.996.208	131.506.846
<b>Phải thu dài hạn</b>		
Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan (b)	24.993.600	24.993.600
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

- (a) Khoản phải thu từ công ty liên quan trình bày khoản vay ngắn hạn phải thu từ Công ty Cổ phần Avafood (“Avafood”), một công ty con.

Khoản vay ngắn hạn cấp cho Avafood, có hạn mức tín dụng là 7 triệu USD, không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm là Libor + 1%. Lãi suất năm áp dụng trong kỳ dao động từ 1,869% đến 1,896% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1,731% đến 1,896%/năm cho các khoản vay bằng USD).

- (b) Khoản vay dài hạn cấp cho công ty liên quan phản ánh khoản cho vay dài hạn cho Avafood, khoản vay này không được đảm bảo và hưởng lãi suất năm cố định là 1,896% trong kỳ. Khoản nợ gốc và các khoản lãi vay phát sinh sẽ đến hạn vào tháng 5 năm 2017.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải thu từ khoản hỗ trợ các hoạt động bán hàng từ Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd.	-	5.087.364
Khác	646.141	100.953
	<hr/>	<hr/>
	646.141	5.188.317
	<hr/>	<hr/>

**6. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Nguyên vật liệu	60.973.968	63.741.782
Công cụ và dụng cụ	10.348.159	8.727.411
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.253.090	4.413.016
Thành phẩm	110.523.186	87.243.306
	<hr/>	<hr/>
	189.098.403	164.125.515
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.475.696)	(6.475.696)
	<hr/>	<hr/>
	182.622.707	157.649.819
	<hr/>	<hr/>

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc và thiết bị VND'000</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND'000</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	366.490.529	9.194.250	4.247.788	379.932.567
Tăng trong kỳ	799.967	-	20.400	820.367
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.573.072)	(42.559)	(861.271)	(3.476.902)
Số dư cuối kỳ	364.717.424	9.151.691	3.406.917	377.276.032
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	184.426.733	5.610.543	1.902.075	191.939.351
Khấu hao trong kỳ	12.103.166	512.002	234.953	12.850.121
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.645.531)	(7.527)	(412.753)	(2.065.811)
Số dư cuối kỳ	194.884.368	6.115.018	1.724.275	202.723.661
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	182.063.796	3.583.707	2.345.713	187.993.216
Số dư cuối kỳ	169.833.056	3.036.673	1.682.642	174.552.371

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 21.067 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 16.435 triệu VND).

Giá trị còn lại của một số thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.925 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.177 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**8. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND'000</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8.369.566
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.369.566
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Khấu hao trong kỳ	278.986
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	278.986
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	8.090.580
	<hr/> <hr/>

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2012 VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	8.398.224	7.095.558
Tăng trong kỳ/năm	1.510.187	1.302.666
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(8.369.566)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.538.845	8.398.224
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

## 10. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư 90,4% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Avafood (“Avafood”), một công ty có các hoạt động chính là cung cấp dịch vụ gia công và sản xuất các sản phẩm bao gồm nước trái cây, nước đóng chai, bánh quy, mứt và các loại kẹo, và các sản phẩm chế biến từ nông sản và thủy sản cũng như gia cầm và cho thuê phân xưởng theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

## 11. Chi phí trả trước dài hạn

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Chi phí nâng cấp VND'000</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	2.297.273	1.387.679	3.684.952
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.411.091	1.411.091
Khấu hao trong kỳ	(456.086)	(269.595)	(725.681)
Số dư cuối kỳ	1.841.187	2.529.175	4.370.362

## 12. Vay ngắn hạn

	<b>30/6/2013 VND'000</b>	<b>31/12/2012 VND'000</b>
Khoản vay từ Kirin Holdings Company, Limited	347.094.000	364.490.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo hiện còn số dư như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất đanh nghĩa</b>	<b>30/6/2013 VND'000</b>	<b>31/12/2012 VND'000</b>
Khoản vay 1	USD	LIBOR + 0,8%/năm	126.216.000	145.796.000
Khoản vay 2	USD	LIBOR + 0,8%/năm	52.590.000	52.070.000
Khoản vay 3	USD	LIBOR + 0,8%/năm	63.108.000	62.484.000
Khoản vay 4	USD	LIBOR + 0,8%/năm	105.180.000	104.140.000
			347.094.000	364.490.000

Trong kỳ, lãi suất năm áp dụng cho các khoản vay này dao động từ 1,117% đến 1,866% (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: từ 1,456% đến 1,928%/năm).

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**13. Phải trả người bán**

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phải trả Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam	15.692.627	3.176.332

Khoản phải trả Công ty TNHH Nước giải khát Kirin Việt Nam là phí gia công chế biến phải trả, khoản phải trả này không được đảm bảo, không chịu lãi và hoàn trả khi có yêu cầu.

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	1.580.137
Thuế xuất nhập khẩu	166.670	591.662
Thuế thu nhập cá nhân	159.296	243.979
Thuế khác	96.355	100.349
	<b>422.321</b>	<b>2.516.127</b>

**15. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Phí vận chuyển	6.268.662	3.802.151
Chiết khấu và hoa hồng bán hàng	2.499.332	2.021.795
Lãi vay phải trả	2.941.634	5.555.744
Phí biệt phái nhân sự phải trả (*)	4.563.918	5.021.464
Chi phí khác	442.500	555.400
	<b>16.716.046</b>	<b>16.956.554</b>

(\*) Theo Hợp đồng Biệt phái nhân sự ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty đã đồng ý trả phí biệt phái nhân sự cho Kirin Holdings Company, Limited, là đơn vị đã cung cấp tư vấn quản trị và chiến lược, và hỗ trợ Công ty với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng với từng nhân sự được biệt phái.



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**16. Các khoản phải trả khác**

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	169.176	164.229
Phải trả khác	185.833	515.452
	<hr/>	<hr/>
	860.400	1.185.072
	<hr/>	<hr/>

**17. Vay dài hạn**

	<b>Loại</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>tiền</b>	<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Khoản vay từ Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (a)	USD	lãi suất SIBOR 3 tháng – 1%/năm	2014	-	71.459.368
Khoản vay không đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited (b)	USD	1,896% /năm	2017	136.734.000	135.382.000
				<hr/>	<hr/>
				136.734.000	206.841.368
				<hr/>	<hr/>

- (a) Vào ngày 1 tháng 3 năm 2013, Trade Ocean Holding Sdn. Bhd., một cổ đông (“Bên cho vay”), phát hành một Chứng thư xóa nợ (“Chứng thư”) để xóa khoản vay là 3.430.928 USD (tương đương 71.459 triệu VND) (“Khoản vay”) cấp cho Công ty theo hợp đồng vay ngày 28 tháng 2 năm 2011. Theo Chứng thư, bên cho vay miễn trừ vô điều kiện các khoản vay của Công ty, mà không cần có bất kỳ sự giải trình hay bất kỳ sự đảm bảo nào và không có bất kỳ sự truy đòi nào (dù là quá khứ, hiện tại hoặc tương lai và dù là thực tế hoặc tiềm tàng), từ bất kỳ và tất cả các nghĩa vụ để trả nợ vay cho Bên cho vay và miễn trừ cho Công ty khỏi các nghĩa vụ (bao gồm lãi vay) của tất cả các khía cạnh liên quan đến khoản vay.
- (b) Khoản vay không được đảm bảo này chịu lãi suất cố định 1,896%/năm, là lãi suất được xác định dựa trên cơ sở lãi suất USD Swap Semi 30/360 5-năm cộng 0,8%/năm theo nguyên tắc tài chính hiện tại của Tập đoàn Kirin.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**18. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2012 VND'000</b>
Số dư đầu kỳ	3.105.122	4.276.030
Dự phòng lập trong kỳ/năm	-	1.023.696
Dự phòng sử dụng trong kỳ/năm	(67.876)	(2.194.604)
Số dư cuối kỳ	3.037.246	3.105.122

Trong kỳ, Công ty đã đóng góp 460 triệu VND (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 701 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND'000</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND'000</b>	<b>Lỗ lũy kế VND'000</b>	<b>Tổng cộng VND'000</b>
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 – Trình bày lại</b>	381.443.888	85.035.704	(294.672.440)	171.807.152
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	1.732.973	1.732.973
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	381.443.888	85.035.704	(292.939.467)	173.540.125
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	381.443.888	85.035.704	(427.509.467)	38.970.125
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(5.398.036)	(5.398.036)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	381.443.888	85.035.704	(432.907.503)	33.572.089

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

## 20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	29.140.992	381.443.992	29.140.992	381.443.992
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	29.140.984	381.443.888	29.140.984	381.443.888

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có bất kỳ khoản biến động vốn cổ phần nào trong kỳ.

## 21. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	448.604.147	435.842.333
▪ Doanh thu từ bánh quy	12.639.173	13.420.397
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	49.974.975	27.687.556
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	14.415.858	13.796.634
▪ Hàng bán bị trả lại	30.543	219.069
Doanh thu thuần	496.771.894	462.934.583

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**22. Giá vốn hàng bán**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	312.432.941	329,003,086
▪ Giá vốn của bánh quy	12.396.398	14,782,840
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	29.214.494	18,514,780
	354.043.833	362.300.706
	354.043.833	362.300.706

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	611.727	215.633
Thu nhập lãi vay từ khoản vay cấp cho Avafood	1.430.242	1.477.080
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	185.848
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	183.479	-
	2.225.448	1.878.561
	2.225.448	1.878.561

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**24. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
Chi phí lãi vay	4.278.250	3.617.158
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.121.316
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.862.416	-
	<hr/>	<hr/>
	9.140.666	4.738.474
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**25. Thu nhập khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
Khoản hỗ trợ cho các hoạt động bán hàng từ Kirin Holdings Singapore Pte, Ltd.	-	6.439.705
Khoản vay được xóa từ Trade Ocean Holdings Sdn. Bhd. (Thuyết minh 17(a))	71.459.368	-
Thu nhập khác	3.716.628	5.721.806
	<hr/>	<hr/>
	75.175.996	12.161.511
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**26. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	-	2.540.287
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(5.398.036)	4.273.260
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.349.509)	1.068.315
Chi phí không được khấu trừ thuế	14.128.487	786.705
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(7.208.593)	685.267
Lỗi tính thuế sử dụng	(5.570.385)	-
	-	2.540.287

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>30/6/2013</b>		<b>31/12/2012</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND'000</b>	<b>Giá trị tính thuế VND'000</b>	<b>Chênh lệch tạm thời VND'000</b>	<b>Giá trị tính thuế VND'000</b>
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	19.753.292	4.938.323	48.587.663	12.146.916
Lỗi tính thuế	57.442.003	14.360.501	79.723.544	19.930.886
	77.195.295	19.298.824	128.311.207	32.077.802

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ VND'000</b>
2016	Chưa quyết toán	45.773.074
2017	Chưa quyết toán	11.668.929
		57.442.003

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (1994). Do đó, từ năm 2006 trở đi công ty phải đóng thuế thu nhập theo thuế suất là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay cho Nghị định số 164/2003/ND-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất của Công ty từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm một năm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo áp dụng cho lợi nhuận của dây chuyền sản xuất mới này.

Theo Nghị định số 124/2008/ND-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay cho nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định 122/2011ND-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định hiện hành số 124/2008/ND-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/ND-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

## **27. Các công cụ tài chính**

### **(a) Quản lý rủi ro tài chính**

#### **(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

#### **(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

### **(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

#### **(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2013 VND'000</b>	<b>31/12/2012 VND'000</b>
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	30.460.316	81.537.434
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	15.065.521	20.147.341
Phải thu nội bộ – ngắn hạn	(iv)	123.996.208	131.506.846
Vay dài hạn phải thu	(iv)	24.993.600	24.993.600
		<hr/>	<hr/>
		194.515.645	258.185.221



**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(ii) Tiền gửi ngân hàng**

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phản ánh rủi ro tín dụng tối đa liên quan đến các khoản phải thu.

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó hầu hết các khách hàng phải thực hiện thanh toán trước khi hàng hóa được giao. Chỉ những khách hàng được xem là có độ tin cậy cao mới được Ban Giám đốc cấp hạn mức tín dụng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 đến 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này và Ban Giám đốc sẽ thực hiện việc đánh giá trước khi các khách hàng này được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các kỳ trước, Công ty tin rằng, không cần thiết phải lập dự phòng nợ khó đòi cho các khoản phải thu thương mại và phải thu khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong hạn	711.726	12.784.142
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	9.309.860	3.466.342
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	3.652.474	3.090.709
Quá hạn trên 180 ngày	1.391.461	806.148
	<hr/>	<hr/>
	15.065.521	20.147.341
	<hr/>	<hr/>

Không có khoản phải thu trọng yếu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**(iv) Phải thu nội bộ - ngắn hạn và vay dài hạn phải thu**

Công ty tin rằng các khoản phải thu từ công ty con sẽ được hoàn trả thông qua các khoản mua từ công ty con đó.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty. Công ty cũng quản lý các khoản vay từ các công ty liên quan bằng cách quản lý các điều khoản tài chính với các công ty liên quan.

Các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 30 tháng 6 năm 2013**

	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>	<b>2 – 5 năm VND'000</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	147.631.462	147.631.462	147.631.462	-	-
Vay ngắn hạn	347.094.000	349.959.847	349.959.847	-	-
Vay dài hạn	136.734.000	146.755.875	2.599.579	2.599.579	141.556.717
	<b>631.459.462</b>	<b>644.347.184</b>	<b>500.190.888</b>	<b>2.599.579</b>	<b>141.556.717</b>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	<b>Giá trị ghi sổ VND'000</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND'000</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND'000</b>	<b>1 – 2 năm VND'000</b>	<b>2 – 5 năm VND'000</b>
Phải trả khách hàng và phải trả khác	92.969.527	92.969.527	92.969.527	-	-
Vay ngắn hạn	364.490.000	368.196.343	368.196.343	-	-
Vay dài hạn	206.841.368	218.037.044	74.033.251	2.573.883	141.429.910
	<b>664.300.895</b>	<b>679.202.914</b>	<b>535.199.121</b>	<b>2.573.883</b>	<b>141.429.910</b>

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách duy trì một số hạn mức tín dụng vay như sau:

- Hạn mức vay ngắn hạn chưa sử dụng là 19 triệu USD được tự động gia hạn theo lựa chọn của Công ty. Lãi vay phải trả theo lãi suất Libor + 0,8% một năm.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái. Các số dư sau đây được trình bày bằng đơn vị tiền tệ gốc:

	<b>30/06/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>USD</b>	<b>USD</b>
Tiền	396.711	1.605.814
Phải thu khách hàng	299.830	158.704
Vay ngắn hạn	(16.500.000)	(17.500.000)
Phải trả người bán	(368.078)	(183.307)
Vay dài hạn	(6.500.000)	(9.930.928)
	<hr/>	<hr/>
	(22.671.537)	(25.849.717)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	<b>Tỷ giá tại ngày</b>	
	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
1 USD	21.104	20.828
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lỗ thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	<b>Giảm/(tăng) đối với lỗ thuần VND'000</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	
USD (mạnh thêm 1%)	(4.783.694)
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	
USD (yếu đi 1%)	5.325.042

Biến động ngược lại của tỉ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lỗ thuần của Công ty.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/06/2013 VND'000</b>	<b>31/12/2012 VND'000</b>
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tài sản tài chính	24.993.600	24.993.600
Nợ phải trả tài chính	(136.734.000)	(135.382.000)
	(111.740.400)	(110.388.400)
<i>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</i>		
Tài sản tài chính	154.456.524	213.044.280
Nợ phải trả tài chính	(347.094.000)	(435.949.368)
	(192.637.476)	(222.905.088)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm tăng hoặc giảm 1.926 triệu VND lỗ thuần của Công ty (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.229 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(e) Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo yêu cầu thuyết minh tại Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 vì (i) giá niêm yết trên thị trường không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND'000</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND'000</b>
<b>Kirin Holding Company, Limited</b>		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Chuyển từ phải trả khác sang vay ngắn hạn	-	20.828.000
Chi phí lãi vay	4.278.250	3.617.158
Phí biệt phái nhân sự	4.642.731	3.727.233
<b>Công ty Cổ phần Avafood</b>		
Khoản vay ngắn hạn	15.000.000	16.199.998
Thu nhập lãi vay	1.430.242	1.477.080
Phí gia công chế biến	18.909.438	17.406.335
Phí thuê nhà máy và văn phòng	2.963.901	2.963.908
<b>Kirin Holding Singapore Pte, Ltd.</b>		
Hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bán hàng	-	6.439.705
Hỗ trợ khác	-	629.047
<b>Vietnam Kirin Beverage Company, Limited</b>		
Mua hàng hóa	-	15.762.339
Phí gia công	23.692.931	13.017.979
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Phí biệt phái nhân sự	2.253.168	2.249.424
Tiền lương	652.200	908.996

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**29. Cam kết**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Trong vòng một năm	12.530.771	11.271.343
Trong vòng hai đến năm năm	30.800.566	31.492.769
Trên năm năm	14.423.608	17.387.506
	57.754.945	60.151.618
	57.754.945	60.151.618

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn</b>	<b>Giai đoạn</b>
	<b>sáu tháng từ</b>	<b>sáu tháng từ</b>
	<b>1/1/2013 đến</b>	<b>1/1/2012 đến</b>
	<b>30/6/2013</b>	<b>30/6/2012</b>
	<b>VND'000</b>	<b>VND'000</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	271.766.724	337.664.640
Chi phí nhân công	78.218.673	45.657.809
Chi phí khấu hao	13.129.107	15.751.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.714.423	73.341.053
Chi phí khác	13.453.862	32.316.329
	568.273.589	504.731.798
	568.273.589	504.731.798

ngày 29 tháng 08 năm 2013

Người lập:

Người duyệt:

Đã ký

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Hồng Phong  
*Kế toán trưởng*

Michio Nagabayashi  
*Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc*